

Phụ lục số 02**DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI CÔNG CHỨC NĂM 2022
MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1734 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ

(Mã chuyên ngành: NV)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;
3. Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
4. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
6. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

II. CHUYÊN NGÀNH VĂN THƯ

(Mã chuyên ngành: VT)

1. Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
3. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018;
4. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;
5. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;
6. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

III. CHUYÊN NGÀNH THANH TRA

(Mã chuyên ngành: TTr)

I. Lĩnh vực thanh tra

1. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010;
2. Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;
3. Thông tư số 06/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra;
4. Thông tư số 07/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

II. Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo

1. Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
2. Luật tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018;
3. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật khiếu nại;
4. Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo.

III. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

1. Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
2. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng;
3. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

IV. CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

(Mã chuyên ngành: TCKT)

I. Lĩnh vực quản lý ngân sách

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015

- Chương I: Những quy định chung

- Chương II: Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về ngân sách nhà nước.

- Chương III: Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp.

II. Lĩnh vực công sản

1. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017

- Chương II: Nội dung quản lý nhà nước về tài sản công và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đối với tài sản công

- Chương III: Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

2. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công

- Chương II: Chế độ Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước

- Chương III: Quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

III. Lĩnh vực Kế toán

1. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015

- Chương I: Những quy định chung

2. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp

Phụ lục số 02

II. Giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép tài khoản kế toán

A. Các Tài khoản trong bảng:

- Tài khoản 111 - Tiền mặt

- Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình

- Tài khoản 214 - Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ

- Tài khoản 332 - Các khoản phải nộp theo lương

- Tài khoản 334 - Phải trả người lao động

- Tài khoản 511 - Thu hoạt động do NSNN cấp

- Tài khoản 531 - Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ

- Tài khoản 611 - Chi phí hoạt động

- Tài khoản 614 - Chi phí hoạt động thu phí.

V. CHUYÊN NGÀNH TƯ PHÁP

(Mã chuyên ngành: TP)

1. Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội gồm: Chương: 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17; Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gồm các Chương: 1,2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11;

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3. Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

4. Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

5. Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

6. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012

7. Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

8. Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

9. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.

VI. CHUYÊN NGÀNH GIAO THÔNG

(Mã chuyên ngành: GTVT)

1. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 và Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
3. Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;
4. Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ;
5. Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;
6. Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT; Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

VII. CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Mã chuyên ngành: KHĐT)

I. Lĩnh vực đầu tư:

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020:

- 1- Chương I - Những quy định chung.
- 2- Chương III - Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

II. Lĩnh vực đầu tư công:

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019:

- 1- Chương I - Những quy định chung.
- 2- Chương II - Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.

III. Lĩnh vực đấu thầu:

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013:

- 1- Chương 1 - Quy định chung.
- 2- Chương 2 - Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp.

IV. Lĩnh vực quy hoạch:

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017:

- 1- Chương 1- Những quy định chung.
- 2- Chương 2 - Lập quy hoạch.

V. Lĩnh vực tổng hợp kinh tế - xã hội:

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025).

VI. Lĩnh vực Thanh tra:

1. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010

1.1 - Chương II. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước; cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

1.2 - Chương IV. Hoạt động thanh tra.

2. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011

2.1 - Chương III. Giải quyết khiếu nại.

2.2 - Chương IV. Khiếu nại, Giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức.

3. Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018

3.1 - Chương II. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo.

3.2 - Chương III. Giải quyết tố cáo.

4. Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013

4.1 - Chương VI. Hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

4.2 - Chương VII. Trách nhiệm tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung.

VII. Chức năng, nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

VIII. CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Mã chuyên ngành: XD)

1. Các văn bản Luật

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

2. Các văn bản Nghị định

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

IX. CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Mã chuyên ngành: CNTT)

1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
2. Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
3. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
4. Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
5. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
6. Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trên máy tính, mạng máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam;
7. Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành Quy chế Tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam;
8. Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

X. CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

(Mã chuyên ngành: TTTT)

I. Lĩnh vực Báo chí

1. Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016;
2. Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
3. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;
4. Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;
5. Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

II. Lĩnh vực Xuất bản

1. Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
2. Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
3. Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
4. Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;
5. Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;
6. Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;
7. Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn hoạt động in.

III. Lĩnh vực Thông tin điện tử

1. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
2. Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

3. Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

IV. Lĩnh vực Thông tin đối ngoại

1. Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại;

2. Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

V. Lĩnh vực Thông tin cơ sở

1. Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở;

2. Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

XI. CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Mã chuyên ngành: TNMT)

I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
3. Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

II. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

1. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.
2. Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.
3. Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

III. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
2. Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;
3. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
4. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
5. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
6. Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;
7. Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
8. Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

9. Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Hà Nam bổ sung một số nội dung quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh;

10. Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; chia tách, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

11. Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định trình tự, thủ tục kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

IV. LĨNH VỰC NƯỚC VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

2. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

V. KIẾN THỨC CHUNG CỦA SỞ

Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Hà Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường.

XII. CHUYÊN NGÀNH LAO ĐỘNG, XÃ HỘI

(Mã chuyên ngành: LĐ)

1. Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con;

2. Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

3. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

4. Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

5. Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

6. Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

XIII. CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP

(Mã chuyên ngành: NN)

1. Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
2. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
3. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;
4. Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
5. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
6. Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam và Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam;
7. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

XIV. CHUYÊN NGÀNH AN TOÀN THỰC PHẨM

(Mã chuyên ngành: ATTP)

1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
2. Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;
3. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hoá; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;
4. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
5. Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về an toàn thực phẩm;
6. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
7. Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
8. Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khoẻ.

XV. CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG**(Mã chuyên ngành: YT)**

1. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
2. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
3. Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
4. Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
5. Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành y tế;
6. Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế;
7. Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

XVI. CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Mã chuyên ngành: GD)

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương “Về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
2. Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;
4. Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
5. Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;
6. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
7. Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên;
8. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
9. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
10. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;
11. Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường;

12. Kế hoạch số 751/KH-BGDĐT ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và Thể thao trường học giai đoạn 2022-2025./.